

Bản án số: 129/2021/HS-ST
Ngày: 16/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Căn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trục và ông Nguyễn Đức Tường
Thoại.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
tham gia phiên tòa:** Ông Kiều Anh Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh
Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2021/TLST-
HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
123/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi), sinh năm 1980, tại tỉnh Thừa Thiên
Huế; nghề nghiệp: Không; nơi cư trú: Số 29/26 đường L, phường T, thành phố H,
tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;
tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thường Thuận, sinh
năm 1953 và bà Lê Thị H, sinh năm 1954; gia đình có 06 anh em ruột, bị cáo là
con thứ ba trong gia đình; có vợ Nguyễn Lê Uyên P, sinh năm 1981 (đã ly hôn) có
01 con chung; sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị Thanh B, sinh năm 1982
(Chưa đăng ký kết hôn) có 02 con chung; tổng cộng 03 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ
nhất 01 tuổi.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với gia đình, đi học lớp 08/12 thì nghỉ học ở nhà.

- Ngày 07/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên H xử phạt 08 năm 06
tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 15/2012/HSST), ngày
27/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, cho đến ngày gây án.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2020 đến nay, bị cáo có mặt.

* *Bị hại:* Chị Trần Thu T, sinh 1999; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh B; chỗ ở: Nhà số 02, ngách 29, ngõ 157 C, phường L, quận Đ, thành phố H, vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Mậu T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 193 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 20 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Chị Trần Thu H, sinh năm 1997; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh ; chỗ ở: Nhà số 02, ngách 29, ngõ 157 C, phường L, quận Đ, thành phố H, vắng mặt.

- Anh Phan Hữu T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/12/2020, Nguyễn Thường H điều khiển xe mô tô biển số 75H4-7885 đi trên đường M, phường T, thành phố H thì phát hiện chị Trần Thu T và chị Trần Thu H đang ngồi trên xe xích lô du lịch do ông Lê Văn C điều khiển đi trên đường M hướng ra cửa Đ. Lúc này chị T đang cầm điện thoại Iphone 11 trên tay để chụp hình. H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị T nên điều khiển xe mô tô đi theo. Khi đến đoạn đường trước số nhà 63 đường M, H điều khiển xe mô tô đi từ phía sau tới áp sát theo phía bên phải xe xích lô và dùng tay trái giật lấy điện thoại của chị T rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, H mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại số 320 đường N, phường T, thành phố H bán cho anh Trần Mậu T với giá 1.200.000 đồng. Số tiền này H đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra, Nguyễn Thường H đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

* *Vật chứng thu giữ:*

- 01 điện thoại di động hiệu I phone 11, màu xanh bạc hà, đã qua sử dụng, số Imei1: 356341104303027, Imei2: 356341104293293.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Swan, biển số 75H4-7885, số máy 030237, số khung 030237, đã qua sử dụng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 274/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2020 kết luận 01 điện thoại di động hiệu I phone 11, màu xanh bạc hà, số Imei1:

356341104303027, Imei2: 356341104293293, 64GB, đã qua sử dụng, giá trị 11.000.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng:*

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu I phone 11, màu xanh bạc hà, đã qua sử dụng cho chị Trần Thu T.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Swan, số máy: VVNZS152FMH-030237, số khung: VVNBCH013VN-030237, (xe đã qua sử dụng) Nguyễn Thường H khai mượn của một người tên T (không rõ nhân thân lai lịch). Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên mang biển số 73K6-6888 đứng tên chủ sở hữu là ông Trần Xuân H (sinh năm 1952, trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q). Tuy nhiên, năm 2007 ông H đã bán xe này cho người khác (không rõ nhân thân lai lịch). Đối với biển số 75H4-7885 là biển số của xe mô tô khác mang nhãn hiệu Oriental đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Thị Đ hiện không xác định được địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã điều tra xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, đã thông báo tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chưa có người nhận nên tiếp tục tạm giữ để phục vụ truy tố, xét xử.

** Về trách nhiệm dân sự:* Nguyễn Thường H đã bồi thường cho anh T số tiền 1.200.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại. Chị T, anh T không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 204/CT-VKS-HS ngày 05/5/2021 của Viện kiểm nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi) phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 15/12/2020.

** Về xử lý vật chứng:*

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị Trần Thị Thu T 01 điện thoại Iphone 11. Chị Thảo đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Swan, số máy VVNZS152FMH-030237, số khung: VVNBCH013VN-030237 (xe đã qua sử dụng) mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Xe này không có trong cơ sở dữ liệu nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H

để xử lý theo thẩm quyền.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thường H đã bồi thường cho anh Trần Mậu T số tiền 1.200.000 đồng. Nay anh T không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thường H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 12/12/2020, tại trước số nhà 63 đường M, phường T, thành phố H, bị cáo đã sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Swan gắn biển số 75H4-7885 để giật của chị Trần Thu T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 trị giá 11.000.000 (Mười một triệu đồng). Mặt khác, về nhân thân Nguyễn Thường H đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Thường H về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ đúng pháp luật

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng phương tiện là xe mô tô để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác, nhưng do bản chất lười lao động, muốn hưởng thụ bằng sức lao động của người khác. Bị cáo có thân xấu vào ngày 07/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; lẽ ra khi ra tù phải lấy đó làm bài học cho bản thân để phấn đấu trở thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ con đường phạm tội của mình. Bởi vậy, đối với Nguyễn Thường H cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị Trần Thu T 01 điện thoại Iphone 11. Chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Swan, số máy VVNZS152FMH-030237, số khung: VVNBC013VN-030237 (xe đã qua sử dụng) mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Xe này không có trong cơ sở dữ liệu, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm chủ sở hữu, nhưng đến nay vẫn chưa xác định được chủ sở hữu, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để xử lý theo thẩm quyền.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thường H đã bồi thường cho anh Trần Mậu T số tiền 1.200.000 đồng. Nay anh T đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) 04 (Bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H 01 xe mô tô nhãn hiệu Swan, số máy VVNZS152FMH-030237, số khung: VVNBC013VN-030237 (xe đã qua sử dụng) để xử lý theo thẩm quyền. Vật chứng này thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 06/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thường H (Tên gọi khác: Bi H) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh T T Huế;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Trọng Cẩn**